

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 27/01/2026

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P10+CLO+BK14	7:25	21+0+1	0+0+0		6+9+1	0+0+0	chuyen 1 clo - bk14
2		P9+TD2+P8	7:25	14+6+0	0+0+0		15+4+2	0+0+0	
3		PVD8+TD5+CTK3	9:25	5+3+10	0+0+0		3+0+19	0+0+0	
4		SAVR+PPD	12:30	8+12	0+0+0		1+21	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ Đi về trong ngày PVD8-4ng



FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: P10 - CLO - BK14	CREW: LINH - N.ANH - HUY	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 01		VNHS FLIGHT: TM26/0435	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	LY TRUNG HIÊU	P10	01,51	2	6			55	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN TUẤN ANH	P10	10	1	3	1	10	74	PSV	Vietnamese
3	PHẠM MINH TÂM	P10	97-98	2	17	1	20	60	PSV	Vietnamese
4	NGUYỄN ANH QUANG	P10	75,68	2	7			63	PSV	Vietnamese
5	NGUYỄN HỮU NHÂN	P10	33	1	6			69	PSV	Vietnamese
6	ĐẶNG TIÊN BAO	P10	099,100	2	8			56	TRƯỜNG V	Vietnamese
7	ĐOÀN VĂN QUAN	P10	95-96	2	14			70	TRƯỜNG V	Vietnamese
8	LÊ VĂN LỤC	P10	31	1	8			71	TRƯỜNG V	Vietnamese
9	LÊ VĂN TIÊN	P10	97	1	4			57	TRƯỜNG V	Vietnamese
10	NGUYỄN HOANG SƠN	P10	30	1	7			66	TRƯỜNG V	Vietnamese
11	NGUYỄN HỮU Y *	P10	35	1	8			97	TRƯỜNG V	Vietnamese
12	NGUYỄN VIỆT ANH HOANG	P10	96	1	6			55	TRƯỜNG V	Vietnamese
13	PHẠM ĐỨC HIỆP*	P10	80	1	12			74	TRƯỜNG V	Vietnamese
14	PHẠM VĂN NAM	P10	34	1	8			70	TRƯỜNG V	Vietnamese
15	TRẦN VĂN ĐAM	P10	300	1	6			50	TRƯỜNG V	Vietnamese
16	VÕ ĐÌNH HÀ	P10	81-82	2	15			68	TRƯỜNG V	Vietnamese
17	ĐẶNG HAI ĐƯƠNG	P10	32	1	4			65	HA VIỆT	Vietnamese
18	LÊ HAI ĐẶNG	P10	11-12	2	13			81	HA VIỆT	Vietnamese
19	NGUYỄN BA TÙNG	P10	90,94	2	8			67	HA VIỆT	Vietnamese
20	NGUYỄN TRỌNG DŨNG	P10	13	1	3			51	HA VIỆT	Vietnamese
21	TRẦN HOANG KHANH	P10	99	1	7			65	TRƯỜNG V	Vietnamese
22	LÊ HAI AN	BK14	33	1	3	3	52	74	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P10	21	1.384	29	170	2	30	6		
2	CLO	0	0	0	0	1	20	9 + 1		CHUYEN 01 PAX CLO SANG BK14
3	BK14	1	74	1	3	3	52	1		
TOTAL		22	1.458	30	173	6	102	16		
WEIGHT KG			1.458		173		102			

GRAND TOAL: 1.733 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ ÁNH

CREW

NGÔ VĂN LINH
NGHIÊM VIỆT ANH



FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: P9 - TD2 - P8	CREW: VIỆT - NHÚ - NNAM	ETA: 00:25
VSP FLIGHT: 02		VNHS FLIGHT: TM26/0438	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYEN BA PHAT	P9	37	1	9			71	XAYLAP	Vietnamese
2	VI THAI	P9	18	1	14			61	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYEN KHAC THO	P9	13-14	2	19			63	XAYLAP	Vietnamese
4	VÔ VĂN TUNG	P9	40-41	2	19			57	XAYLAP	Vietnamese
5	HỒ SỸ HUNG	P9	19	1	9			81	XAYLAP	Vietnamese
6	LÊ ANH DUNG	P9	35-36	2	19			74	XAYLAP	Vietnamese
7	LÊ VĂN HOANG	P9	38	1	15	2	38	70	XAYLAP	Vietnamese
8	NGÔ ĐÌNH THANG	P9	33-34	2	17			66	XAYLAP	Vietnamese
9	HỒ NGHĨA DUNG	P9	15-16	2	19			78	XAYLAP	Vietnamese
10	ĐÀO VĂN KHOA	P9	20	1	6			63	PSV	Vietnamese
11	BUI VĂN TUẤN	P9	32	1	5			63	PSV	Vietnamese
12	LÊ VĂN VIỆT	P9	21	1	5			80	PSV	Vietnamese
13	HỒ TRỌNG TÂN	P9	17	1	5			82	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN QUỐC TUẤN	P9	78	1	8			65	PSV	Vietnamese
15	USATENKO D.S.	TD2	13	1	12			99	DVL	Russian
16	NGUYỄN VĂN NAM (CV)	TD2	14	1	13			76	DVL	Vietnamese
17	NGUYỄN XUÂN NGỌC	TD2	18	1	9	1	22	68	DVL	Vietnamese
18	VŨ VĂN TRUNG	TD2	19	1	17			75	DVL	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN HỘI	TD2	17	1	15			66	DVL	Vietnamese
20	PHAN THANH TỊNH	TD2	15-16	2	19			68	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P9	14	974	19	169	2	38	15		
2	TD2	6	452	7	85	1	22	4		
3	P8	0	0	0	0	1	12	2		
TOTAL		20	1.426	26	254	4	72	21		
WEIGHT KG			1.426		254		72			

GRAND TOAL: 1.752 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỰC HÀ

VNHS REP.

ĐINH THỊ HOA

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT

ĐÀO NGỌC PHÚ

FLIGHT MANIFEST

DATE: 27/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:50
B.CARD: VANG-2	TO: PVD8 - TD5 - CTK3	CREW: LINH - N.ANH - HUY	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 03		VNHS FLIGHT: TM26/0436	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	ZAKLADNYI R.N.	PVD8	90	1	15			98	D-HANH	Russian
2	KRAMARENKO V.V.	PVD8	87-88	2	11			65	KH-THAC	Russian
3	USHAKOV A.A.	PVD8	89	1	8	1	7	89	ANTOAN	Russian
4	FOKS	PVD8	93	1	8			125	KHOAN	Russian
5	NOVIKOV A.	PVD8	91-92	2	16			98	AN TOAN	Russian
6	VU THE HUNG	TD5	54	1	12			65	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN DINH PHUONG	TD5	53	1	5	1	20	86	KHOAN	Vietnamese
8	ĐẶNG MINH TUẤN*	TD5	52	1	15			89	KHOAN	Vietnamese
9	PHAM MINH TUẤN*	CTK3	81	1	5			76	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAN VAN TUAN	CTK3	79-80	2	13			76	PSV	Vietnamese
11	DO VAN KHANH	CTK3	01	1	3			80	PSV	Vietnamese
12	NGUYEN XUAN ANH*	CTK3	04	1	10			79	PSV	Vietnamese
13	HOANG VAN BAC	CTK3				4	80	66	PSV	Vietnamese
14	PHAN CONG SAM	CTK3	82	1	4			65	PSV	Vietnamese
15	NGUYEN DANG TUNG	CTK3	76	1	7			67	PSV	Vietnamese
16	TRAN VAN TIEN	CTK3	02	1	6			62	PSV	Vietnamese
17	NGUYEN KIM NIEN	CTK3	03	1	6			57	PSV	Vietnamese
18	DINH BA THANG	CTK3	78	1	5			70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PVD8	5	475	7	58	1	7	3		
2	TD5	3	240	3	32	1	20	0		
3	CTK3	10	698	10	59	4	80	19		
TOTAL		18	1.413	20	149	5	107	22		
WEIGHT KG			1.413		149		107			

GRAND TOAL: 1.662 KGS + 7KG

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HỒNG HÀ

CREW

NGÔ VĂN LINH
NGHIÊM VIỆT ANH





FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/01/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:10
B.CARD: NAU-3	TO:SAVR- PPD	CREW: DƯƠNG - M.ĐỨC - THÀNH	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 04		VNHS FLIGHT: TM26/0437	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	LEEJU RADEN	SAVR	34-35	2	19			76	EXPRO	Thailand
2	MOHD NAAHAR BIN MOHD NAJIB	SAVR	29	1	10	1	13	88	EXPRO	Malaysian
3	ABDUL MUHAIMINBIN ALI	SAVR	32-33	2	17			76	EXPRO	Malaysian
4	JERMY ANAK ASAM*	SAVR	31	1	19			99	EXPRO	Malaysian
5	ĐẶNG QUỐC ĐẠT	SAVR	37	1	13	1	20	81	DVL	Vietnamese
6	PHAN VINH TRUONG	SAVR	40	1	12			72	DVL	Vietnamese
7	ĐẶNG VĂN CHUNG	SAVR	38-39	2	21			75	DVL	Vietnamese
8	NGUYỄN VINH KHA	SAVR	36	1	11			76	DVL	Vietnamese
9	LUU VAN CHIEN	PPD	65	1	3			68	Y TE	Vietnamese
10	LE QUY TOAN	PPD	64	1	8			68	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN VAN TUONG	PPD	69	1	2			71	KHI	Vietnamese
12	PHAN HUY HOANG	PPD	73-74	2	12			83	KHI	Vietnamese
13	LUU QUY TRUNG	PPD	67	1	6			70	PSV	Vietnamese
14	NGUYEN VAN CHUONG	PPD	63	1	4			63	PSV	Vietnamese
15	TRAN MAU SON	PPD	72	1	5			73	PSV	Vietnamese
16	NGUYEN NGOC LINH	PPD	68	1	3			66	PSV	Vietnamese
17	HOANG VAN DOANH	PPD	70	1	5			65	PSV	Vietnamese
18	TRAN MINH TUAN	PPD	66	1	6			72	PSV	Vietnamese
19	TA QUANG PHUC	PPD	71	1	7			107	PSV	Vietnamese
20	LU CHUYEN CHIEU	PPD						105	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	SAVR	8	643	11	122	2	33	1		
2	PPD	12	911	12	61	0	0	21		
TOTAL		20	1.554	23	183	2	33	22		
WEIGHT KG			1.554		183		33			

GRAND TOAL: 1.770 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

LẠI HỒNG DIỆP

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG

NGUYỄN MINH ĐỨC